

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 28/2025/HS-ST

Ngày: 03 - 3 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Kim Khánh;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Như Âm và bà Bùi Thị Kim Nga.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Hoàng Văn Việt - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Hữu Thông - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 01/2025/TLST-HS ngày 02 tháng 01 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 12/2025/QĐXXST-HS ngày 03/02/2025 đối với:

*** Bị cáo:**

Cao Thị D (tên gọi khác: không); Giới tính: Nữ; Sinh ngày 22/01/1995 tại Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mường; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Kinh doanh; Trình độ học vấn: 11/12; Họ và tên bố: Cao Đình T (đã chết); Họ và tên mẹ: Bùi Thị Thúy N sinh năm 1967; Bị cáo có chồng là Mai Văn H (sinh năm 1994, đã ly hôn năm 2023). Bị cáo có 01 con sinh ngày 14/6/2022.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 10/5/2024 đến ngày 19/5/2024. Ngày 19/5/2024, Cơ quan ANĐT Công an tỉnh Đ khởi tố bị cáo và áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 19/5/2024 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

*** Các bị hại:**

- Huỳnh Thị K, sinh năm 1990, trú tại thôn D, xã E, Tp., tỉnh Đắk Lắk.
- Nguyễn Thị N1, sinh năm 1999, trú tại 2 L, phường E, Tp., tỉnh Đắk Lắk.
- Vương Thị Kim L, sinh năm 1983, trú tại Thôn A, xã E, E, Đắk Lắk.
- Trương Thị Q, sinh năm 1985, trú tại Thôn H, xã H, Tp., tỉnh Thanh Hóa.
- Nguyễn Thị N2, sinh năm 1989, trú tại Thôn N, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

6. Nguyễn Thị Q1, sinh năm 2005, trú tại KP. Minh Cát, phường Q, Tp ., tỉnh Thanh Hóa.
7. Trịnh Thị H1, sinh năm 1991, trú tại Khu A, thị trấn Q, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa.
8. Nguyễn Thị H2, sinh năm 1987, trú tại Thôn X, xã L, TX. K, tỉnh Hải Dương.
9. Vũ Thị Y, sinh năm 1988, trú tại số B P, phường T, Tp ., tỉnh Hải Dương.
10. Nguyễn Thị Xuân P, sinh năm 1995, trú tại Thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Khánh Hòa.
11. Nguyễn Thị H3, sinh năm 1996, trú tại 216 đường D, phường P, Tp ., tỉnh Bình Dương.
12. Lê Thị L1, sinh năm 1987, trú tại Khu phố D, thị trấn T, huyện B, tỉnh Bình Dương.
13. Đỗ Thị H4, sinh năm 1985, trú tại số A KP Đ, phường L, Tp ., tỉnh Bình Dương.
14. Cao Thị C, sinh năm 1993, trú tại Khóm A, phường A, Tp ., tỉnh Đồng Tháp.
15. Nguyễn Phạm Quốc B, sinh năm 1984, trú tại Số D, đường B, khóm D, phường D, Tp ., tỉnh Đồng Tháp.
16. Nguyễn Thị Thu T1, sinh năm 1973, trú tại tổ A, ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.
17. Phùng Thị Thanh H5, sinh năm 1986, trú tại Số F H, phường H, Tp ., tỉnh Hưng Yên.
18. Đào Thị H6, sinh năm 1992, trú tại Xóm A, xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên.
19. Nguyễn Thị H14, sinh năm 1991, trú tại Xóm D, xã T, huyện K, tỉnh Hưng Yên.
20. Lường Thị T2, sinh năm 1991, trú tại Thôn L, xã L, huyện Y, tỉnh Hưng Yên.
21. Nguyễn Thị Thanh Q2, sinh năm 1996, trú tại Khu phố B, thị trấn B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.
22. Phạm Thị Thu T3, sinh năm 1992, trú tại Xóm H, xã Q, huyện V, tỉnh Nam Định.
23. Bùi Thị Ánh H7, sinh năm 2000, trú tại Tổ D, thị trấn X, huyện X, tỉnh Nam Định.
24. Kiều Thị M, sinh năm 1996, trú tại Thôn D, xã M, huyện M, tỉnh Nam Định.
25. Dương Thị H8, sinh năm 1998, trú tại Thôn C, xã B, huyện Đ, tỉnh Gia Lai.
26. Nguyễn Phương L2, sinh năm 1993, trú tại Thôn F, đường T, xã L, huyện T, Tp ..

27. Phạm Thị M1, sinh năm 1991, trú tại Số C Hồ S, thị trấn N, huyện K, Tp ..
28. Phạm Thị Tú U, sinh năm 1993, trú tại số I D, phường D, quận L, Tp ..
29. Vũ Thị T4, sinh năm 1978, nơi ở hiện tại S Khúc T, phường V, quận L, Tp ..
30. Nguyễn Thị D1, sinh năm 1996, trú tại Thôn N, xã K, huyện T, Tp ..
31. Đinh Thị B1, sinh năm 1990, trú tại số C M, phường A, quận L, Tp ..
32. Nguyễn Thị N3, sinh năm 1992, trú tại Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh.
33. Nguyễn Thị T5, sinh năm 1988, trú tại Xóm H, thôn T, xã P, huyện T, tỉnh Bắc Ninh.
34. Nguyễn Thị N4, sinh năm 1994, trú tại thôn A, xã A, huyện L, tỉnh Bắc Ninh.
35. Nguyễn Lê Ngọc T6, sinh năm 1987, trú tại Khu phố H, phường H, Tp ., tỉnh Bắc Ninh.
36. Hoàng Văn T7, sinh năm 1992, trú tại khu phố Đ, phường N, Tp ., tỉnh Bắc Ninh.
37. Lê Thị Băng C1, sinh năm 2001, trú tại Thôn P, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị.
38. Nguyễn Thị Ngọc N5, sinh năm 1993, trú tại 4 ấp S, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre.
39. Trương Bảo T8, sinh năm 2002, trú tại 263, ấp P, xã P, Tp ., tỉnh Bến Tre.
40. Trà Thị Thanh P1, sinh năm 1986, trú tại Thôn L, xã Â, huyện H, tỉnh Bình Định.
41. Đoàn Thị T9, sinh năm 1989, trú tại Ngõ H, thôn L, xã V, huyện N, tỉnh Ninh Bình.
42. Vũ Thị V, sinh năm 1986, trú tại Ấp B, xã B, huyện Đ, tỉnh Long An.
43. Đoàn Thị Thúy H9, sinh năm 1994, trú tại Thôn P, xã V, Tp ., tỉnh Kon Tum.
44. Đinh Thị Thanh H10, sinh năm 2003, trú tại Thôn Đ, xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế.
45. Lê Hồng X, sinh năm 2001, trú tại B, Tổ I, phường T, Tp ., tỉnh Hòa Bình.
46. Phạm Thái C2, sinh năm 1994, trú tại Thôn L, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.
47. Vi Thị Thúy N6, sinh năm 2002, trú tại Thôn Y, xã Y, huyện C, tỉnh Lạng Sơn.
48. Nguyễn Thị T10, sinh năm 1990, trú tại 2 đường số A, phường B, quận B, Tp ..
49. Ngô Thị Thảo T11, sinh năm 1993, trú tại 1 T, Phường I, quận T, Tp ..

50. Nguyễn Xuân V1, sinh năm 1982, trú tại A L2 T, phường T, Quận A, Tp ..
51. Hoàng Ánh H11, sinh năm 1989, trú tại Tổ B, phường M, thành phố Y, tỉnh Yên Bái.
52. Trần Thị H12, sinh năm 1989, trú tại Thôn V, xã V, Tp ., tỉnh Yên Bái.
53. Đinh Lệ Q3, sinh năm 1988, trú tại T, thị trấn T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.
54. Huỳnh Thị Ngọc H13, sinh năm 1980, trú tại 1 Tổ E khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
55. Đặng Thị Thu T12, sinh năm 1994, trú tại số B L, khu phố H, TT. N, C, Bà Rịa - Vũng Tàu.
56. Nguyễn Thị Thu H14, sinh năm 1989, trú tại tổ A, phường P, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn.
57. Lê Thị L3, sinh năm 1991, trú tại Thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình.
58. Nguyễn Thị L4, sinh năm 1984, trú tại Thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh.
59. Huỳnh Thị Mỹ X1, sinh năm 1991, trú tại Xã Đ, huyện T, tỉnh An Giang.
60. Trần Thị H15, sinh năm 1989, thường trú tại số C, thôn C, xã H, huyện P, Tp ..
61. Nguyễn Thị Hạ T13, sinh năm 1984, trú tại CH A, nhà A8, TT N, N, Cầu G, Tp ..
62. Trương Thị N7, sinh năm 1994, trú tại Đ, K, T, Tp ..
63. Trần Thị Tích G, sinh năm 1999, trú tại V, P, T, Tp ..
64. Lê Thị T14, sinh năm 1978, trú tại số nhà E ngõ A, phường V, quận L, thành phố Hà Nội.
65. Nguyễn Thị Nhật P2, sinh năm 1989, trú tại Tổ C, phường H, quận C, Tp ..
66. Trương Thị Thùy T15, sinh năm 2000, trú tại Tổ F, S, H, H, Tp ..
67. Hoàng Thị H16, sinh năm 1988, trú tại Số C H, phường P, quận S, Tp ..
68. Hồ Thị Thanh H17, sinh năm 2001, trú tại Tổ E, phường T, quận H, Tp ..
69. Phan Thị B2, sinh năm 1990, trú tại Tổ G, khu phố B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Nai.
70. Nguyễn Ngọc T16, sinh năm 1995, trú tại Xóm A, thôn Đ, xã Y, huyện D, tỉnh Hà Nam.
71. Trần Thị H18, sinh năm 1991, trú tại TDP Đ, phường D, huyện D, tỉnh Hà Nam.

(Các bị hại đều vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Với mục đích chiếm đoạt tài sản của người khác để có tiền tiêu xài cá nhân, khoảng năm 2018, trong thời gian học nghề tại tiệm cắt tóc ở thành phố Hà Nội, Cao Thị D quen biết với một người đàn ông tên H19 (không rõ lai lịch) là khách quen thường đến cắt tóc. H19 chỉ cho D cách thức lừa đảo bằng thủ đoạn đăng bán nhiều loại mặt hàng trên mạng xã hội facebook với giá rẻ hơn thị trường, sau đó chiếm đoạt tiền cọc của những người mua hàng.

Đến đầu năm 2023, D sử dụng điện thoại cá nhân tạo 03 tài khoản facebook với tên hiển thị là “Chuyên Đồ Thanh Lí” (UID: 61551081629255), “Lê Thị T17” (UID: 61558709242044), “Bích Hiền” (UID: 61550522045957) đăng tải các bài viết kèm theo hình ảnh (Duyên tải về từ mạng xã hội) có nội dung rao bán các mặt hàng thanh lý là các sản phẩm thiết bị thẩm mỹ trên trang cá nhân của các tài khoản này và các trang hội, nhóm thanh lý vật dụng thẩm mỹ như “Hội T20 - Thẩm Mỹ V2”, “Hội T21 - N - My Hải P3”... Dưới các bài viết, D để thông tin liên lạc các số điện thoại 086.981.4532, 033.960.9543, 032.824.4665 và 034.710.5546 địa chỉ kho xưởng tại phường Đ, thị xã D, tỉnh Hà Nam. Ngoài ra, D còn sử dụng các tài khoản Facebook “Bi Linh” (UID: 61558095526637), “Mil Linh” (UID: 61558403917531) để tạo tương tác cho các bài viết trên và đăng hình ảnh giao hàng thành công kèm phiếu chuyển tiền để gây chú ý và tạo lòng tin cho khách hàng. Khi khách liên hệ, D gửi hình ảnh, video giới thiệu sản phẩm và thỏa thuận giá mua bán rẻ hơn thị trường để tạo tâm lý với người mua hàng, sau đó yêu cầu người mua phải chuyển tiền cọc từ 10% đến 30% tổng giá trị sản phẩm đặt mua. D yêu cầu khách chụp lại màn hình giao dịch chuyển khoản thành công, số điện thoại, địa chỉ nhận hàng và thống nhất sẽ giao hàng từ hai đến ba ngày.

Để nhận tiền cọc của những người mua hàng, D sử dụng hai tài khoản Telegram có tên hiển thị là “Ok Baby” và “Mi Mi” để mua 11 tài khoản ngân hàng thông qua ứng dụng T, gồm: (1) Ngân hàng V4, số tài khoản 054736062, mang tên Hà Thị C3; (2) Ngân hàng V4, số tài khoản 719990608, mang tên Lê Thị T17; (3) Ngân hàng A1, số tài khoản 16927261, mang tên Phạm Nguyễn Kiều T18; (4) Ngân hàng S, số tài khoản 000001434286, mang tên Phạm Nguyễn Ngọc M2; (5) Ngân hàng S1, số tài khoản 1022387506, mang tên Trần Văn C4; (6) Ngân hàng A2 (A3), số tài khoản 0869814532, mang tên Nguyễn Tấn M3, (7) Ngân hàng K1, số tài khoản 9869814532, mang tên Nguyễn Thị Bích H20; (8) Ngân hàng N8, số tài khoản 812202463200001, mang tên Lê Ngọc A; (9) Ngân hàng M4, số tài khoản 37101012989944, mang tên Lê Hồng V3; (10) Ngân hàng A1, số tài khoản 14151841, mang tên Tô Kim P4; (11) Ngân hàng V4, số tài khoản 049740805, mang tên Phạm Thị Bích T19. Khi nhận được tiền cọc, D chuyển tiền qua lại giữa các tài khoản này để tránh sự phát hiện của cơ quan chức năng, rồi cuối cùng chuyển vào 03 tài khoản Ngân hàng của D gồm: Ngân hàng M5, số tài khoản 0363589806; Ngân hàng V5, số tài khoản 105870539596; Ngân hàng A4, số tài khoản 8705205220750. Sau đó, D chặn liên lạc với người mua và thay đổi thông tin trên tài khoản mạng xã hội để xóa dấu vết.

Thực tế Cao Thị D chỉ đăng bài để rao bán các sản phẩm phục vụ làm đẹp, spa trên facebook nhưng không có các mặt hàng này. Địa chỉ kho hàng và hình ảnh giao hàng là D tự tìm kiếm trên facebook, tải về từ trên mạng nhằm tạo niềm tin cho người mua. Toàn bộ quá trình thực hiện hành vi phạm tội đều do một mình D tự thực hiện, không có ai biết hay giúp sức.

Bằng thủ đoạn này, trong khoảng thời gian từ tháng 8/2023 đến tháng 5/2024, Cao Thị D đã chiếm đoạt tài sản của 71 người, tổng số tiền Duyên đã chiếm đoạt là 31.300.000 đồng. Cụ thể:

(1) Huỳnh Thị K, sinh năm 1990, trú tại thôn D, xã E, Tp ., tỉnh Đắk Lắk, bị chiếm đoạt 1.000.000 đồng.

(2) Nguyễn Thị N1, sinh năm 1999, trú tại 2 L, phường E, Tp ., tỉnh Đắk Lắk, bị chiếm đoạt 1.100.000 đồng.

(3) Vương Thị Kim L, sinh năm 1983, trú tại Thôn A, xã E, E, Đắk Lắk, bị chiếm đoạt 200.000 đồng.

(4) Trương Thị Q, sinh năm 1985, trú tại Thôn H, xã H, Tp ., tỉnh Thanh Hóa, bị chiếm đoạt 400.000 đồng.

(5) Nguyễn Thị N2, sinh năm 1989, trú tại Thôn N, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa, bị chiếm đoạt 400.000 đồng.

(6) Nguyễn Thị Q1, sinh năm 2005, trú tại KP. Minh Cát, phường Q, Tp ., tỉnh Thanh Hóa, bị chiếm đoạt 200.000 đồng.

(7) Trịnh Thị H1, sinh năm 1991, trú tại Khu A, thị trấn Q, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa, bị chiếm đoạt 200.000 đồng.

(8) Nguyễn Thị H2, sinh năm 1987, trú tại Thôn X, xã L, TX. K, tỉnh Hải Dương, bị chiếm đoạt 500.000 đồng.

(9) Vũ Thị Y, sinh năm 1988, trú tại số B P, phường T, Tp ., tỉnh Hải Dương, bị chiếm đoạt 300.000 đồng.

(10) Nguyễn Thị Xuân P, sinh năm 1995, trú tại Thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Khánh Hòa, bị chiếm đoạt 1.300.000 đồng.

(11) Nguyễn Thị H3, sinh năm 1996, trú tại 216 đường D, phường P, Tp ., tỉnh Bình Dương, bị chiếm đoạt 200.000 đồng.

(12) Lê Thị L1, sinh năm 1987, trú tại Khu phố D, thị trấn T, huyện B, tỉnh Bình Dương, bị chiếm đoạt 450.000 đồng.

(13) Đỗ Thị H4, sinh năm 1985, trú tại số A KP Đ, phường L, Tp ., tỉnh Bình Dương, bị chiếm đoạt 300.000 đồng.

(14) Cao Thị C, sinh năm 1993, trú tại Khóm A, phường A, Tp ., tỉnh Đồng Tháp, bị chiếm đoạt 50.000 đồng.

(15) Nguyễn Phạm Quốc B, sinh năm 1984, trú tại Số D, đường B, khóm D, phường D, Tp ., tỉnh Đồng Tháp, bị chiếm đoạt 400.000 đồng.

(16) Nguyễn Thị Thu T1, sinh năm 1973, trú tại tổ A, ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Đồng Tháp, bị chiếm đoạt 200.000 đồng.

(17) Phùng Thị Thanh H5, sinh năm 1986, trú tại Số F H, phường H, Tp ., tỉnh Hưng Yên, bị chiếm đoạt 800.000 đồng.

(18) Đào Thị H6, sinh năm 1992, trú tại Xóm A, xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên, bị chiếm đoạt 300.000 đồng.

(19) Nguyễn Thị H14, sinh năm 1991, trú tại Xóm D, xã T, huyện K, tỉnh Hưng Yên, bị chiếm đoạt 100.000 đồng.

(20) Lường Thị T2, sinh năm 1991, trú tại Thôn L, xã L, huyện Y, tỉnh Hưng Yên, bị chiếm đoạt 400.000 đồng.

(21) Nguyễn Thị Thanh Q2, sinh năm 1996, trú tại Khu phố B, thị trấn B, huyện C, tỉnh Tiền Giang, bị chiếm đoạt 700.000 đồng.

(22) Phạm Thị Thu T3, sinh năm 1992, trú tại Xóm H, xã Q, huyện V, tỉnh Nam Định, bị chiếm đoạt 900.000 đồng.

(23) Bùi Thị Ánh H7, sinh năm 2000, trú tại Tổ D, thị trấn X, huyện X, tỉnh Nam Định, bị chiếm đoạt 300.000 đồng.

(24) Kiều Thị M, sinh năm 1996, trú tại Thôn D, xã M, huyện M, tỉnh Nam Định, bị chiếm đoạt 400.000 đồng.

(25) Dương Thị H8, sinh năm 1998, trú tại Thôn C, xã B, huyện Đ, tỉnh Gia Lai, bị chiếm đoạt 200.000 đồng.

(26) Nguyễn Phương L2, sinh năm 1993, trú tại Thôn F, đường T, xã L, huyện T, Tp ., bị chiếm đoạt 400.000 đồng.

(27) Phạm Thị M1, sinh năm 1991, trú tại Số C Hồ S, thị trấn N, huyện K, Tp ., bị chiếm đoạt 300.000 đồng.

(28) Phạm Thị Tú U, sinh năm 1993, trú tại số I D, phường D, quận L, Tp ., bị chiếm đoạt 900.000 đồng.

(29) Vũ Thị T4, sinh năm 1978, nơi ở hiện tại S Khúc T, phường V, quận L, Tp ., bị chiếm đoạt 300.000 đồng.

(30) Nguyễn Thị D1, sinh năm 1996, trú tại Thôn N, xã K, huyện T, Tp ., bị chiếm đoạt 400.000 đồng.

(31) Đinh Thị B1, sinh năm 1990, trú tại số C M, phường A, quận L, Tp ., bị chiếm đoạt 2.000.000 đồng.

(32) Nguyễn Thị N3, sinh năm 1992, trú tại Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh, bị chiếm đoạt 100.000 đồng.

(33) Nguyễn Thị T5, sinh năm 1988, trú tại Xóm H, thôn T, xã P, huyện T, tỉnh Bắc Ninh, bị chiếm đoạt 200.000 đồng.

(34) Nguyễn Thị N4, sinh năm 1994, trú tại thôn A, xã A, huyện L, tỉnh Bắc Ninh, bị chiếm đoạt 600.000 đồng.

(35) Nguyễn Lê Ngọc T6, sinh năm 1987, trú tại Khu phố H, phường H, Tp ., tỉnh Bắc Ninh, bị chiếm đoạt 250.000 đồng.

(36) Hoàng Văn T7, sinh năm 1992, trú tại khu phố Đ, phường N, Tp ., tỉnh Bắc Ninh, bị chiếm đoạt 1.900.000 đồng.

(37) Lê Thị Băng C1, sinh năm 2001, trú tại Thôn P, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị, bị chiếm đoạt 300.000 đồng.

(38) Nguyễn Thị Ngọc N5, sinh năm 1993, trú tại 4 ấp S, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre, bị chiếm đoạt 200.000 đồng.

(39) Trương Bảo T8, sinh năm 2002, trú tại 263, ấp P, xã P, Tp ., tỉnh Bến Tre, bị chiếm đoạt 500.000 đồng.

(40) Trà Thị Thanh P1, sinh năm 1986, trú tại Thôn L, xã Á, huyện H, tỉnh Bình Định, bị chiếm đoạt 400.000 đồng.

(41) Đoàn Thị T9, sinh năm 1989, trú tại Ngõ H, thôn L, xã V, huyện N, tỉnh Ninh Bình, bị chiếm đoạt 700.000 đồng.

(42) Vũ Thị V, sinh năm 1986, trú tại Ấp B, xã B, huyện Đ, tỉnh Long An, bị chiếm đoạt 400.000 đồng.

(43) Đoàn Thị Thúy H9, sinh năm 1994, trú tại Thôn P, xã V, Tp ., tỉnh Kon Tum, bị chiếm đoạt 400.000 đồng.

(44) Đinh Thị Thanh H10, sinh năm 2003, trú tại Thôn Đ, xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, bị chiếm đoạt 250.000 đồng.

(45) Lê Hồng X, sinh năm 2001, trú tại B, Tổ I, phường T, Tp ., tỉnh Hòa Bình, bị chiếm đoạt 450.000 đồng.

(46) Phạm Thái C2, sinh năm 1994, trú tại Thôn L, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận, bị chiếm đoạt 200.000 đồng.

(47) Vi Thị Thúy N6, sinh năm 2002, trú tại Thôn Y, xã Y, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, bị chiếm đoạt 200.000 đồng.

(48) Nguyễn Thị T10, sinh năm 1990, trú tại 2 đường số A, phường B, quận B, Tp ., bị chiếm đoạt 500.000 đồng.

(49) Ngô Thị Thảo T11, sinh năm 1993, trú tại 1 T, Phường I, quận T, Tp ., bị chiếm đoạt 300.000 đồng.

(50) Nguyễn Xuân V1, sinh năm 1982, trú tại A L2 T, phường T, Quận A, Tp ., bị chiếm đoạt 100.000 đồng.

(51) Hoàng Ánh H11, sinh năm 1989, trú tại Tổ B, phường M, thành phố Y, tỉnh Yên Bái, bị chiếm đoạt 500.000 đồng.

(52) Trần Thị H12, sinh năm 1989, trú tại Thôn V, xã V, Tp ., tỉnh Yên Bái, bị chiếm đoạt 100.000 đồng.

(53) Đinh Lệ Q3, sinh năm 1988, trú tại T, thị trấn T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang, bị chiếm đoạt 200.000 đồng.

(54) Huỳnh Thị Ngọc H13, sinh năm 1980, trú tại 1 Tổ E khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, bị chiếm đoạt 200.000 đồng.

(55) Đặng Thị Thu T12, sinh năm 1994, trú tại số B L, khu phố H, TT. N, C, Bà Rịa - Vũng Tàu, bị chiếm đoạt 900.000 đồng.

(56) Nguyễn Thị Thu H14, sinh năm 1989, trú tại tổ A, phường P, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn, bị chiếm đoạt 400.000 đồng.

(57) Lê Thị L3, sinh năm 1991, trú tại Thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình, bị chiếm đoạt 300.000 đồng.

(58) Nguyễn Thị L4, sinh năm 1984, trú tại Thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh, bị chiếm đoạt 200.000 đồng.

(59) Huỳnh Thị Mỹ X1, sinh năm 1991, trú tại Xã Đ, huyện T, tỉnh An Giang, bị chiếm đoạt 300.000 đồng.

(60) Trần Thị H15, sinh năm 1989, thường trú tại số C, thôn C, xã H, huyện P, Tp ., bị chiếm đoạt 400.000 đồng.

(61) Nguyễn Thị Hạ T13, sinh năm 1984, trú tại CH A, nhà A8, TT N, N, Cầu G, Tp ., bị chiếm đoạt 500.000 đồng.

(62) Trương Thị N7, sinh năm 1994, trú tại Đ, K, T, Tp ., bị chiếm đoạt 200.000 đồng.

(63) Trần Thị Tích G, sinh năm 1999, trú tại V, P, T, Tp ., bị chiếm đoạt 150.000 đồng.

(64) Lê Thị T14, sinh năm 1978, trú tại số nhà E ngõ A, phường V, quận L, thành phố Hà Nội, bị chiếm đoạt 300.000 đồng.

(65) Nguyễn Thị Nhật P2, sinh năm 1989, trú tại Tổ C, phường H, quận C, Tp ., bị chiếm đoạt 900.000 đồng.

(66) Trương Thị Thùy T15, sinh năm 2000, trú tại Tổ F, S, H, H, Tp ., bị chiếm đoạt 400.000 đồng.

(67) Hoàng Thị H16, sinh năm 1988, trú tại Số C H, phường P, quận S, Tp ., bị chiếm đoạt 200.000 đồng.

(68) Hồ Thị Thanh H17, sinh năm 2001, trú tại Tổ E, phường T, quận H, Tp ., bị chiếm đoạt 300.000 đồng.

(69) Phan Thị B2, sinh năm 1990, trú tại Tổ G, khu phố B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Nai, bị chiếm đoạt 400.000 đồng.

(70) Nguyễn Ngọc T16, sinh năm 1995, trú tại Xóm A, thôn Đ, xã Y, huyện D, tỉnh Hà Nam, bị chiếm đoạt 500.000 đồng.

(71) Trần Thị H18, sinh năm 1991, trú tại TDP Đ, phường D, huyện D, tỉnh Hà Nam, bị chiếm đoạt 400.000 đồng.

Đồ vật, tài liệu bị tạm giữ gồm:

- 01 (một) thẻ ATM của Ngân hàng V6, số thẻ 9704 1515 3807 0229 mang tên “CAO THI DUYEN”.

- 01 (một) thẻ ATM của Ngân hàng A4, số thẻ 9704 0530 0219 8231 mang tên “CAO THI DUYEN”.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax, màu vàng, số máy: MG9P3LL/A, số IMEI: 350777737486679, bên trong có chứa 01 (một) sim điện thoại, số thuê bao 0363.589.806, trên sim có ký hiệu “4G Viettel”, số thẻ sim “8984 04800 00226 71994”.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A7, màu vàng đồng, số IMEI 1: 867299048335236, số IMEI 2: 867299048335228, bên trong có 01 (một) sim điện thoại, số thuê bao 0869.814.532, trên sim có các ký hiệu “4G Viettel”, số thẻ sim “8984 04800 09196 39105”.

- Số tiền 31.300.000 đồng (trong đó Cơ quan điều tra phát hiện, tạm giữ 19.600.000 đồng và quá trình điều tra bị cáo tự nguyện nộp khắc phục hậu quả 11.700.000 đồng).

Tại Bản cáo trạng số 07/CT-VKS-P1 ngày 27/12/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã truy tố bị cáo Cao Thị D về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Kết quả xét hỏi tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như bản cáo trạng đã truy tố.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát phân tích và chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng và khẳng định hành vi của bị cáo Cao Thị D đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự; đồng thời phân tích các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hình phạt: Áp dụng điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự, tuyên bố bị cáo Cao Thị D phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, xử phạt bị cáo mức án tù 12 tháng tù đến 15 tháng tù.

Về xử lý vật chứng:

- Đề nghị tịch thu, tiêu hủy: 01 (một) thẻ ATM của Ngân hàng V6, số thẻ 9704 1515 3807 0229 và 01 (một) thẻ ATM của Ngân hàng A4, số thẻ 9704 0530 0219 8231 cùng mang tên “CAO THI DUYEN”; 01 (một) sim điện thoại, số thuê bao 0363.589.806, trên sim có ký hiệu “4G Viettel”, số thẻ sim “8984 04800 00226 71994”; 01 (một) sim điện thoại, số thuê bao 0869.814.532, trên sim có các ký hiệu “4G Viettel”, số thẻ sim “8984 04800 09196 39105”. Đây là công cụ, phương tiện bị cáo sử dụng để phục vụ hoạt động phạm tội.

- Đề nghị tịch thu, sung công quỹ:

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 12 Promax, số máy: MG9P3LL/A, số IMEI: 350777737486679 và 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO A7, số IMEI

1: 867299048335236, là công cụ, phương tiện bị cáo sử dụng để phục vụ hoạt động phạm tội.

+ Số tiền 12.400.000 đồng, do bị cáo phạm tội mà có.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo D phải trả lại cho **33 bị hại** bị chiếm đoạt tài sản với tổng số tiền là **18.900.000** đồng.

Bị cáo Cao Thị D thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, bị cáo không tranh luận, bào chữa gì thêm.

Bị cáo nói lời sau cùng và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến hoàn cảnh của bị cáo cho bị cáo tự cải tạo ngoài xã hội để bị cáo có điều kiện nuôi con nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và bị hại không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Xét Lời khai của bị cáo Cao Thị D tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: Từ tháng 8 năm 2023 đến tháng 5 năm 2024, bị cáo Cao Thị D đã thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản bằng thủ đoạn sử dụng các tài khoản Facebook ảo đăng bài viết rao bán các mặt hàng thanh lý là các sản phẩm thiết bị thẩm mỹ trên trang cá nhân và các trang hội, nhóm thanh lý vật dụng thẩm mỹ với giá rẻ hơn giá thị trường để lừa tiền đặt cọc của người mua hàng trên mạng. Tổng cộng bị cáo D đã lừa đảo chiếm đoạt tài sản của 71 người, trong đó có 01 người bị cáo chiếm đoạt 2.000.000 đồng và 70 người bị cáo chiếm đoạt mỗi người dưới 2.000.000 đồng, tổng cộng bị cáo D đã chiếm đoạt số tiền 31.300.000 đồng. Hành vi của bị cáo Cao Thị D đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

“Điều 174. Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản

1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

...”

[3]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[3.1]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng

nặng trách nhiệm hình sự.

[3.2]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Cao Thị D có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Bị cáo tự nguyện khắc phục hậu quả bằng cách nộp lại toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt để trả lại cho những người bị hại; Gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình, đã ly hôn chồng và hiện đang trực tiếp nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi; Quá trình điều tra bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4]. Xét hành vi phạm tội của bị cáo Cao Thị D là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo là người đầy đủ năng lực hành vi nhưng chỉ vì muốn có tiền tiêu xài nhanh chóng mà không phải bỏ sức lao động chính đáng của mình ra, nên bị cáo đã đưa ra thông tin bán hàng không đúng sự thật và dùng thủ đoạn gian dối với mục đích làm cho người bị hại tin tưởng để chuyển tiền cọc mua hàng vào tài khoản của bị cáo, sau đó bị cáo đã chiếm đoạt số tiền của các bị hại, do đó cần xử phạt bị cáo mức án tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra nhằm để răn đe và phòng ngừa tội phạm chung. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, gia đình bị cáo khó khăn, bản thân bị cáo là lao động chính và là người trực tiếp nuôi con dưới 36 tháng tuổi; bị cáo D có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, vì vậy, không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo tự cải tạo dưới sự giám sát của gia đình và chính quyền địa phương thì cũng đủ để giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội, đồng thời thể hiện được sự tính nhân đạo và khoan hồng của pháp luật.

[5]. Về trách nhiệm dân sự:

Trong số 71 bị hại, có 33 bị hại yêu cầu được trả lại số tiền đã chiếm đoạt, còn các bị hại khác không yêu cầu, vì vậy buộc bị cáo D phải trả lại cho 33 bị hại tổng số tiền **18.900.000** đồng (bị cáo đã thực hiện việc bồi thường thiệt hại xong).

Đối với 38 bị hại yêu cầu không nhận lại số tiền đã bị chiếm đoạt: xét thấy việc bị hại yêu cầu không nhận lại số tiền đã bị chiếm đoạt là tự nguyện nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6]. Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ vật chứng là:

- 01 (một) thẻ ATM của Ngân hàng V6, số thẻ 9704 1515 3807 0229 và 01 (một) thẻ ATM của Ngân hàng A4, số thẻ 9704 0530 0219 8231 cùng mang tên “CAO THI DUYEN”; 01 (một) sim điện thoại, số thuê bao 0363.589.806, trên sim có ký hiệu “4G Viettel”, số thẻ sim “8984 04800 00226 71994”; 01 (một) sim điện thoại, số thuê bao 0869.814.532, trên sim có các ký hiệu “4G Viettel”, số thẻ sim “8984 04800 09196 39105”. Đây là công cụ, phương tiện bị cáo sử dụng để phục vụ hoạt động phạm tội nên cần tịch thu, tiêu hủy.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 12 Promax, số máy: MG9P3LL/A, số IMEI: 350777737486679 và 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO A7, số IMEI

1: 867299048335236, là công cụ, phương tiện bị cáo D sử dụng để phục vụ hoạt động phạm tội nên cần tịch thu sung công quỹ nhà nước.

- Số tiền 12.400.000 đồng, do bị cáo phạm tội mà có cần tịch thu, sung công quỹ nhà nước.

[7]. Về án phí:

- Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Cao Thị D bị tuyên phạm tội, nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo Cao Thị D đã tự nguyện nộp toàn bộ tiền bồi thường thiệt hại, nên bị cáo không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Tuyên bố: Bị cáo Cao Thị D phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

[2]. Về hình phạt:

- Áp dụng điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Cao Thị D 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự 2015.

Giao bị cáo Cao Thị D cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự hai lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới, thì Tòa án buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

[3]. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 589 của Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo phải trả lại số tiền chiếm đoạt cho 33 bị hại, tổng số tiền là 18.900.000 đồng, cụ thể:

- (1) Huỳnh Thị K 1.000.000 đồng.
- (2) Nguyễn Thị N1 1.100.000 đồng.
- (3) Trương Thị Q 400.000 đồng.
- (4) Nguyễn Thị H2 500.000 đồng.
- (5) Vũ Thị Y 300.000 đồng.
- (6) Nguyễn Thị Xuân P 1.300.000 đồng.
- (7) Nguyễn Thị H3 200.000 đồng.

- (8) Cao Thị C 50.000 đồng.
- (9) Nguyễn Phạm Quốc B 400.000 đồng.
- (10) Phùng Thị Thanh Hưng 800.000 đồng.
- (11) Nguyễn Thị Thanh Q2 700.000 đồng.
- (12) Phạm Thị Thu T3 900.000 đồng.
- (13) Bùi Thị Ánh H7 300.000 đồng.
- (14) Dương Thị H8 200.000 đồng.
- (15) Nguyễn Phương L2 400.000 đồng.
- (16) Phạm Thị M1 300.000 đồng.
- (17) Phạm Thị Tú U 900.000 đồng.
- (18) Vũ Thị T4 300.000 đồng.
- (19) Nguyễn Thị D1 400.000 đồng.
- (20) Đinh Thị B1 2.000.000 đồng.**
- (21) Nguyễn Thị N3 100.000 đồng.
- (22) Nguyễn Thị T5 200.000 đồng.
- (23) Nguyễn Thị N4 600.000 đồng.
- (24) Nguyễn Lê Ngọc T6 250.000 đồng.
- (25) Hoàng Văn T7 1.900.000 đồng.
- (26) Lê Thị Băng C1 300.000 đồng.
- (27) Trương Bảo Toàn 500.000 đồng.
- (28) Trà Thị Thanh Phụng 400.000 đồng.
- (29) Đoàn Thị T9 700.000 đồng.
- (30) Vũ Thị V 400.000 đồng.
- (31) Nguyễn Thị Thu H14 400.000 đồng.
- (32) Nguyễn Thị L4 200.000 đồng.
- (33) Nguyễn Ngọc T16 500.000 đồng.

[4]. Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 và khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu, tiêu hủy 01 (một) thẻ ATM của Ngân hàng V7 (một) thẻ ATM của Ngân hàng A4; 02 (một) sim điện thoại.
- Tịch thu, sung công quỹ nhà nước 02 (một) điện thoại di động.
- Tịch thu, sung công quỹ nhà nước số tiền 12.400.000 đồng do bị cáo phạm tội mà có.

(Vật chứng có đặc điểm cụ thể như Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 30/12/2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ và Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk).

[5]. Về án phí: Áp dụng điểm a, g khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Cao Thị D phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[6]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Công an tỉnh Đắk Lắk (Phòng HSNV).
- CQCSĐT - Công an tỉnh Đắk Lắk;
- CQTHAHS - Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Trại tạm giam - Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo;
- Các bị hại;
- UBND xã Thạch Cẩm, huyện Thạch Thành,
- tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu: HSVA.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Kim Khánh